TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/HS-ST
Ngày: 24-7-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Lâm.

Ông Nguyễn Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà:

Ông Nguyễn Hữu Liệt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2018, đối với bị cáo:

Bùi Văn P (Đ), sinh năm 1984, tại huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp làm thuê; trình độ học vấn 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn S (c) và bà Lê Thị T (s); vợ và con chưa có; tiền sự không; tiền án không; nhân thân tốt; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16 tháng 4 năm 2018 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Nguyễn Minh T, sinh năm 2004 (đã chết).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; cư trú tại ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bà Võ T, sinh năm 1969; cư trú tại ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Bùi Minh C, sinh năm 1971; cư trú tại ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

1. Ông Bùi Văn C, sinh năm 1987; cư trú tại ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lê Quốc K, sinh năm 1981; cư trú tại ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Ông Phan Thanh Đ, sinh năm 1979; cư trú tại ấp C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 05-02-2018, sau khi uống rượu, Bùi Văn P một mình điều khiển xe mô tô biển số 6xH2-xxxx đi trên lộ đal thuộc ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, theo hướng xã L về thị trấn H, huyện M. Do đi không đúng phần đường nên xe của P đã đụng vào xe đạp đi ngược chiều do Nguyễn Minh T điều khiển, làm T bị thương nặng, phải cấp cứu và tử vong sau đó. Theo bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 31/PY.PC54 ngày 09-02-2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng thì T chết do chấn thương sọ não/TNGT.

Quá trình điều tra, khám nghiệm hiện trường xác định các vết cày của xe mô tô do P điều khiển để lại trên mặt lộ từ lề trái qua lề phải hướng L - M, nên lỗi hoàn toàn do P điều khiển xe đi không đúng phần đường. Ngoài ra, khi điều khiển xe mô tô, P chưa có giấy phép lái xe hạng A1 theo quy định, sử dụng rượu có nồng độ cồn là 1.446 miligam/1 lít khí thở, vượt quá quy định tại khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008 (không vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở).

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú có thu giữ một xe mô tô biển số 6xH2-xxxx của Phó và 01 xe đạp của T, sau đó đã xử lý bằng cách trao trả cho gia đình T chiếc xe đạp, còn xe mô tô chưa xử lý.

Về bồi thường thiệt hại, người đại diện hợp pháp của T yêu cầu P bồi thường chi phí cấp cứu, khắc phục hậu quả, mai táng và bù đắp tổn thất về tinh thần với số tiền tổng cộng là 189.960.243 đồng, P đã bồi thường, khắc phục hậu quả được 41.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS.MT ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Bùi Văn P (Đ) về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo P đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng đã truy tố. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ. Vì vậy, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Bị cáo P là người có nhân thân tốt, từ trước đến nay chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tích cực khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại, thể hiện sự ăn năn hối cải; đồng thời được người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo P từ 03 năm tù đến 04 năm tù. Về bồi thường thiệt hại, người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tổng chi phí cứu chữa, mai táng và tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 189.960.243 đồng, đã nhận trước 41.000.000 đồng, còn lại 148.960.243 đồng yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường và bị cáo cũng đồng ý nên đề nghị căn cứ Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 591 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền còn lại. Về xử lý vật chứng, đề nghị căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, giao chiếc xe mô tô biển số 6xH2-xxxx của P cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú tiếp tục quản lý, để bảo đảm cho việc thi hành án sau này.

- Bị cáo P tự bào chữa: Nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Đồng thời, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 148.960.243 đồng theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị T xin giảm nhẹ hình phạt cho P và đồng thời yêu cầu P bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm gồm chi phí cứu chữa, mai táng và tiền bù đắp tổn thất về tinh thần tổng cộng là 189.960.243 đồng, đã nhận trước 41.000.000 đồng, số tiền còn lại yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Bùi Văn C, ông Bùi Minh C không có ý kiến gì.

- Lời nói sau cùng của bị cáo P: Xin giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người làm chứng ông Lê Quốc K và ông Phan Thanh Đ vắng mặt. Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt hai người này, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình điều tra, ông K và ông Đ đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo P đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: P là người không có giấy phép lái xe hạng A1. Bị cáo có hành vi sau khi uống rượu thì điều khiển xe mô tô biển số 6xH2-xxxx đi trên lộ đal thuộc ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo hướng từ xã L về thị trấn trấn H, thuộc huyện M và đi không đúng phần đường quy định nên đụng vào xe đạp do cháu T điều khiển đi theo chiều ngược lại, dẫn đến hậu quả là cháu T tử vong do chấn thương sọ não. Tại thời điểm gây tai nạn, bị cáo có nồng độ cồn là 1.446 miligam/1 lít khí thở.

[4] Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định một trong các hành vi bị cấm, đó là điều khiển xe mô tô trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc 0,25 miligam/01 lít khí thở. Điều 58, 59 Luật này còn quy định một trong những điều kiện của người lái xe tham gia giao thông là phải có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe được phép điều khiển do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và giấy phép lái xe hạng A1 cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 50 cm^3 đến dưới 175 cm^3.

[5] Như vậy, với hành vi nêu trên, bị cáo P phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015. Điểm a, b khoản 2 của Điều này quy định: *"Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: a) Không có giấy phép lái xe theo quy định; b)Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá quy định, có sử dụng chất ma túy hoặc chất kích thích khác;…"*. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú truy tố P về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", theo điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, là hoàn toàn có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[6] Hội đồng xét xử nhận thấy, hành vi phạm tội của bị cáo P là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn trong hoạt động giao thông đường bộ, đồng thời xâm phạm đến tính mạng của bị hại và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, nên cần thiết phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo

có ý thức tuân theo pháp luật, cũng như giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa đấu tranh và chống tội phạm. Tuy nhiên, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; sau khi phạm tội bị cáo đã tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra, thể hiện sự ăn năn hối cải; đồng thời bị cáo cũng được người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Hội đồng xét xử quyết định giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước ta.

[7] Tại phiên toà, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt tù đối với bị cáo P là có căn cứ và tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì: *"Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm"*. Hội đồng xét xử thấy, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo thì bị cáo không có chức vụ, không có giấy phép lái xe, không hành nghề hoặc làm công việc liên quan đến lái xe nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng các hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô biển số 6xH2-xxxx, số máy 01629183, số khung 01520183 thu giữ của bị cáo P. Đây là vật chứng thuộc quyền quản lý hợp pháp của bị cáo và có ảnh hưởng đến việc thi hành án về phần nghĩa vụ bồi thường thiệt hại của bị cáo. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử giao chiếc xe này cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú tiếp tục quản lý để bảo đảm cho việc thi hành án sau này.

[10] Về bồi thường thiệt hại: Xét yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại, yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm gồm chi phí cứu chữa, mai táng và tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại, tổng cộng là 189.960.243 đồng, đã nhận trước 41.000.000 đồng, còn lại 148.960.243 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường số tiền còn lại cho người đại diện hợp pháp của bị hại nên căn cứ các điều 584, 585, 586 và Điều 591 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này và buộc bị cáo bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền còn lại là 148.960.243 đồng.

[11] Về án phí: Hội đồng xét xử thấy, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: *"Án phí do người bị kết án hoặc Nhà nước chịu theo quy định của pháp luật. Người bị kết án phải trả án phí theo quyết định của Tòa*

án. Mức án phí và căn cứ áp dụng được ghi rõ trong bản án, quyết định của Tòa án" và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *"a) Người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm;....c) Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự được thực hiện theo quy định tại Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết này"*. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết này quy định: *"Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận"*. Như vậy, bị cáo P là người bị kết án và cũng là người có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 148.960.243 đồng x 5% = 7.448.012 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 591 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn P (Đ) phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Phạt bị cáo Bùi Văn P (Đ) **03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục quản lý 01 (một) xe mô tô biển số 6xH2-xxxx, số máy 01629183, số khung 01520183, thu giữ của bị cáo Bùi Văn P (Đ) để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về bồi thường thiệt hại:

- Buộc bị cáo Bùi Văn P (Đ) bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Minh T là ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị T về thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm, với số tiền là 148.960.243 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn hai trăm bốn mươi ba đồng).

- Trường hợp khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bị cáo Bùi Văn P (Đ) không bồi thường đủ tiền cho ông Nguyễn Văn T - bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn T - bà Võ Thị T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng, bị cáo Bùi Văn P (Đ) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong, theo mức lãi suất là 10%/năm.

4. Về án phí:

Buộc bị cáo Bùi Văn P (Đ) chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.448.012 đồng (Bảy triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn không trăm mười hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Lâm

Nơi nhận:
- *Bị cáo;*
- *Người đại diện hợp pháp của bị hại;*
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
- *VKSND huyện Mỹ Tú;*
- *VKSND tỉnh Sóc Trăng;*
- *Cơ quan THAHS Công an huyện Mỹ Tú;*
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;*
- *Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*